

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số/20 /HĐTD-OCB-CN

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - [Chi nhánh/Phòng Giao dịch.....], Chúng tôi gồm có:

BÊN CẤP TÍN DỤNG:**Ngân Hàng TMCP Phương Đông – Chi Nhánh/Phòng Giao Dịch.....**

Mã số DN:

Địa chỉ:

Do ông/Bà: Chức vụ:.....làm đại diện

Giấy ủy quyền số:..... ngày

(Sau đây được gọi là OCB và OCB cũng được hiểu là Ngân hàng TMCP Phương Đông hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng TMCP Phương Đông)

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

[Ông/Bà] Năm sinh:

CMND/CCCD/HC số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Các bên đồng ý ký kết hợp đồng tín dụng này với những điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Các điều kiện cấp tín dụng

- Số tiền vay : (Bằng chữ.....)
- Thời hạn vay : tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (bao gồm thời hạn lưu vụ)
- Lãi suất vay và phương pháp tính lãi:
 - Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365.
 - Tiền lãi được tính từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng hoặc ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản cấp tín dụng theo lựa chọn của OCB phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 - Lãi suất cho vay trong hạn: theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ
 - Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ. OCB được quyền ấn định lãi suất cho vay tại Khế ước nhận nợ cho các Kỳ điều chỉnh lãi suất khi xảy ra sự kiện biến động thị trường dẫn đến (i) lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước; (ii) không tồn tại hoặc không thể xác định được lãi suất cơ sở, lãi suất tham chiếu để điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn
- Mục đích sử dụng vốn vay:
- Phương thức vay:
PC/HD-01/M04 (01/09/2023)

- a) Cho vay từng lần
- b) Phương thức cho vay lưu vụ. Theo đó, Bên Vay được sử dụng một phần hoặc toàn bộ dư nợ gốc của chu kỳ trước cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của 02 chu kỳ sản xuất liên tiếp nếu thỏa các điều kiện theo quy định của OCB tại từng thời điểm và được OCB đồng ý cấp tín dụng.

7. Kế hoạch rút vốn:

8. Tài sản bảo đảm:

Điều 2. Phí cho vay

1. Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho OCB các khoản phí liên quan đến việc cấp tín dụng bao gồm:

a) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng:.....

b) Phí cam kết rút vốn.....;

c) Các khoản phí khác.....(nếu có).

2. Các khoản phí nêu tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các mức phí trên có thể thay đổi theo quy định của OCB trong từng thời. Việc thu thuế giá trị gia tăng (VAT) (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm OCB thực hiện thu phí.

3. Các khoản phí đã được OCB thu sẽ không được hoàn trả lại trong bất kỳ lý do gì trừ trường hợp phải hoàn trả theo quy định pháp luật.

4. Việc thu phí sẽ được ưu tiên thu trước các khoản phạt, nợ gốc, lãi của Bên vay.

Điều 3. Giải ngân vốn vay

1. OCB có quyền từ chối giải ngân/ngưng giải ngân trong trường hợp việc giải ngân sẽ dẫn đến OCB vi phạm hoặc có khả năng vi phạm các quy định Pháp luật, các quy định, hướng dẫn, chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do khách quan theo điều kiện thị trường, tình hình nguồn vốn của OCB. OCB chỉ giải ngân vốn vay khi Bên vay đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đề nghị giải ngân trong kế hoạch rút vốn đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Bên vay hoàn tất hồ sơ đề nghị giải ngân; hoàn tất các biện pháp bảo đảm, mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và tài sản khác của Bên vay theo quy định của OCB trừ trường hợp được OCB đồng ý bằng văn bản;

c) Báo trước cho OCB ít nhất ngày làm việc tính đến ngày dự định giải ngân, và cung cấp kèm theo các hồ sơ, giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng theo yêu cầu của OCB;

d) Bên vay đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của OCB cho Bên vay.

e) Nếu việc giải ngân bằng ngoại tệ thì Bên vay phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do OCB quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật

f) Điều kiện khác:

2. Phương thức giải ngân (Hình thức rút vốn): Các bên xác nhận đã hiểu rõ các phương thức giải ngân vốn vay theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB. Tùy vào từng thời điểm nhận nợ, mục đích vay vốn các bên có thể lựa chọn một hoặc một số phương thức giải ngân vốn vay phù hợp với quy định pháp luật được nêu dưới đây:

- a) Bằng tiền mặt để thanh toán cho bên thụ hưởng (kể cả trường hợp Bên vay chính là Bên thụ hưởng).
- b) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân vốn cho vay vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng.
- c) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân vốn cho vay vào tài khoản thanh toán của Bên vay.

Chi tiết phương thức giải ngân vốn cho vay được ghi nhận cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Bên vay cam kết thực hiện thanh toán đúng, đầy đủ cho Bên thụ hưởng (không phải là Bên vay) khi nhận vốn vay bằng phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên vay.

Điều 4. Biện pháp bảo đảm cấp tín dụng

1. Các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại Hợp đồng này được thỏa thuận cụ thể tại các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm với OCB (bao gồm Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản, văn bản cam kết bảo lãnh hoặc các văn bản, thỏa thuận khác mà nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ/nghĩa vụ thanh toán của Bên vay với OCB, gọi chung là “**Hợp đồng bảo đảm**”).
2. Các Hợp đồng bảo đảm mà Bên vay cũng như bên thứ ba đã ký hoặc sẽ ký với OCB cũng được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
3. OCB có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp bảo đảm nào và bất kỳ tài sản bảo đảm nào để bảo đảm cho mỗi lần cấp tín dụng cũng như để xử lý tài sản nhằm thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).
4. Việc thay đổi, hủy bỏ một hoặc một số biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm nêu tại Điều này không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên bảo đảm còn lại và Bên vay.
5. Trong trường hợp Bên vay không đồng thời là Bên bảo đảm, Bên vay thừa nhận và đồng ý với nội dung Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà không phụ thuộc vào việc Bên vay có tham gia ký kết Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm hay không.
6. Trường hợp Bên vay được OCB cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm (một phần hoặc toàn bộ khoản cấp tín dụng), Bên vay cam kết và đảm bảo với OCB các nội dung sau:
 - a) Đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho OCB được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Bên vay trong trường hợp OCB thu hồi nợ vay (bao gồm cả thu hồi nợ trước hạn).
 - b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của OCB nếu Bên vay vi phạm các cam kết, thỏa thuận với OCB.

Điều 5. Trả nợ gốc, lãi và phí

1. Trả nợ gốc, lãi và phí: Thực hiện theo thỏa thuận tại, khế ước nhận nợ, lịch trả nợ và các văn bản, thỏa thuận khác giữa hai Bên.
2. Trường hợp Bên vay không thanh toán lãi đúng hạn thì Bên vay phải chịu phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng $(=) \text{Số tiền lãi chậm trả nhân (x) Số ngày chậm trả lãi nhân (x) lãi suất chậm trả (\%/năm) chia cho (:)} 365$. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên vay trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn. Lãi suất chậm trả được tính như sau:
 - a) Đối với khoản vay bằng VND: Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCB xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa pháp luật quy định.
 - b) Đối với khoản vay bằng ngoại tệ (khác VND): Lãi suất chậm trả bằng $(=) 150\%$ nhân với (x) lãi suất cho vay trong hạn $(\%/năm)$ của khoản vay hoặc theo mức lãi suất khác do OCB xác định nhưng không vượt quá 10%/năm và không vượt quá mức lãi suất tối đa pháp luật quy định.

3. Trường hợp Bên vay không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi vay, phí (bao gồm trường hợp OCB thu hồi nợ trước hạn) hoặc vi phạm các thỏa thuận khác với OCB thì OCB được quyền thực hiện:
 - a) Phong tỏa tài khoản của Bên vay (bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi, sau đây gọi chung là “Tài khoản”) tại OCB hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng nơi Bên vay có Tài Khoản, và/hoặc
 - b) Tự động trích tiền từ bất kỳ Tài khoản nào của Bên vay tại OCB, và/hoặc đề nghị các tổ chức tín dụng nơi Bên vay có Tài Khoản trích tiền từ Tài Khoản để chuyển khoản thanh toán nợ cho OCB. Nội dung này đồng thời có giá trị là một văn bản ủy quyền không huỷ ngang của Bên vay cho OCB; theo đó OCB được yêu cầu (lập lệnh chi, uỷ nhiệm chi) các tổ chức tín dụng khác để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó về tài khoản tiền gửi của Bên vay tại OCB để thu nợ. Nếu dư nợ cần thanh toán của Bên vay là loại tiền khác so với loại tiền được trích từ Tài khoản của Bên vay thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền được trích từ Tài khoản là tỷ giá do OCB xác định vào thời điểm thu nợ.
 - c) Xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí phát sinh) vào bất kỳ thời điểm nào.
4. Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần của OCB, thì ngày làm việc tiếp theo là ngày đến hạn trả nợ. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, nợ lãi trong kỳ không có ngày tương ứng như thỏa thuận thì ngày trả nợ được tính là ngày cuối cùng của tháng trả nợ. Số tiền lãi Bên vay phải thanh toán được tính cho đến hết ngày thực tế Bên vay trả hết nợ hoặc đến hết ngày liền kề trước ngày thực tế Bên vay thanh toán hết khoản cấp tín dụng theo lựa chọn của OCB và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
5. OCB có toàn quyền quyết định thứ tự thu hồi nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn; nợ gốc, lãi quá hạn, các khoản phí, tiền phạt vi phạm, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả khác (nếu có)) theo quy định của OCB trong từng thời kỳ. OCB sẽ ưu tiên thu phí, các khoản phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả khác trước các khoản thu nợ gốc, lãi; trên cơ sở bảo đảm thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi theo nguyên tắc sau:
 - a) Trường hợp khoản nợ trong hạn: thu theo thứ tự thu lãi trước, gốc sau.
 - b) Trường hợp khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ:
 - i. Thu theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.
 - ii. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, OCB thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
 - c) Trường hợp Bên được cấp tín dụng chỉ chậm trả lãi: OCB thu phần lãi chậm trả tính trên số dư tiền lãi chậm trả trước, khoản lãi không trả đúng hạn.
6. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền đã được cấp tín dụng, trừ trường hợp OCB chấp thuận cho trả nợ bằng loại tiền khác phù hợp với quy định pháp luật, thì tỷ giá quy đổi do OCB xác định vào thời điểm thu nợ

Điều 6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, nếu Bên vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho OCB. Thời hạn gửi đề nghị chậm nhất là 07 ngày làm việc trước mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ trong đó nêu rõ khả năng, thời hạn, nguồn trả nợ và kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.
2. OCB xem xét, đánh giá phương án trả nợ của Bên vay và các yếu tố khác mà OCB cho là cần thiết để quyết định:

- a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên vay và các bên ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới; hoặc
- b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết.

Điều 7. Chuyển nợ quá hạn

1. Đối với số dư nợ gốc đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn khi:
 - a) Bên vay không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn đã thoả thuận và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hoặc
 - b) Bên vay không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn OCB yêu cầu trong trường hợp Bên vay phải trả nợ trước hạn và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ
2. OCB thực hiện thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn, số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn và các nội dung khác OCB cho là cần thiết thông báo đến Bên vay. Thời điểm chuyển nợ quá hạn để áp dụng lãi suất quá hạn do OCB ấn định khi số dư nợ gốc thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này và không phụ thuộc vào việc Bên vay đã nhận thông báo chuyển nợ quá hạn từ OCB hay chưa.

Điều 8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn

1. OCB được quyền quyết định ngưng cho vay và/hoặc ngưng/tạm ngưng giải ngân và /hoặc chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn đối với Bên vay (bao gồm các khoản vay đã ký Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ trước ngày giải ngân) khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
 - a) Bên vay cung cấp thông tin không kịp thời hoặc sai sự thật;
 - b) Bên vay sử dụng khoản tín dụng sai mục đích đã thỏa thuận;
 - c) Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm chết, bị tuyên bố chết, bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; ly hôn, đang trong quá trình làm thủ tục ly hôn.
 - d) Thay đổi về tỷ giá ngoại tệ/giá mua bán vàng dẫn đến việc số tiền vay/bảo lãnh vượt quá giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm nếu loại tiền vay khác với loại tiền được dùng để xác định giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm mà bên vay không bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của OCB;
 - e) Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi hoặc bị tạm giam, tạm giữ, khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - f) Bên vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy phép kinh doanh, hoạt động); ngừng hoạt động hoặc không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn;
 - g) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này;
 - h) Bên vay có khoản tín dụng tại OCB và/hoặc tại Tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ xấu;
 - i) Bên vay là cán bộ nhân viên đang làm việc tại OCB bị xử lý kỷ luật lao động và/hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với OCB mà theo đánh giá của OCB việc này gây ảnh hưởng đến thu nhập, khả năng trả nợ của Bên Vay. Trường hợp này OCB không cần phải cung cấp chứng từ chứng minh đánh giá của mình cho Bên Vay (chỉ áp dụng đối với khoản vay của cán bộ nhân viên OCB);
 - j) Một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm bị xử lý theo hợp đồng bảo đảm, bị thu hồi, giải tỏa, phong tỏa theo quy định của Pháp luật; một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng hoặc giảm giá trị theo định giá của OCB hoặc giá trị tài sản không đủ để

bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng này mà Bên được cấp tín dụng không bổ sung, thay thế biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của OCB;

- k) Bên bảo lãnh cho Bên vay từ chối hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đánh giá của OCB;
 - l) Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm bất kỳ thoả thuận nào trong Hợp đồng này và các văn bản, thoả thuận, cam kết liên quan khác với OCB .
 - m) OCB được quyền thu hồi số tiền giải ngân theo văn bản thoả thuận giữa Bên vay với OCB.
 - n) Theo yêu cầu của OCB tại bất kỳ thời điểm nào, khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của Bên vay, ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm hoặc ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của hệ thống Ngân hàng, theo đánh giá của OCB mà không cần phải chứng minh với Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm.
 - o) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo quy định tại Hợp đồng này
2. OCB thực hiện thông báo về thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời gian hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Điều 9. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng

1. Bên vay có trách nhiệm cung cấp thông tin cho OCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này như sau:
 - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tổ chức, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên vay theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho OCB;
 - b) Thông báo cho OCB trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
 - Thay đổi CMND, nơi cư trú, nơi làm việc; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép kinh doanh;
 - Thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
 - Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho khoản tín dụng;
 - Mất khả năng thanh toán hoặc có các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên vay, Bên bảo lãnh (nếu có).
2. OCB có quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên vay và các vấn đề khác có liên quan đến các khoản cấp tín dụng. Bên vay có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để OCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.
3. OCB có quyền cung cấp thông tin cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của OCB

1. OCB có các quyền sau:
 - a) Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thoả thuận tại Hợp đồng bảo đảm) và tính vào số tiền nợ của Bên vay đối với OCB, trong trường hợp Bên vay và hoặc bên thứ ba chậm hoặc không mua bảo hiểm theo yêu cầu của OCB;
 - b) Ngừng giải ngân và/hoặc chấm dứt cấp tín dụng cho Bên vay theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này.

- c) OCB được quyền thực hiện mua bán nợ, được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của OCB phát sinh từ Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên vay;
 - d) OCB được ủy thác hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thu hồi nợ theo quy định pháp luật;
 - e) Trường hợp Bên vay bao gồm nhiều người, OCB được quyền yêu cầu một hoặc một số hoặc tất cả những người này thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, thỏa thuận với OCB.
 - f) Trong trường hợp cho vay theo phương thức lưu vụ (điều khoản này chỉ áp dụng cho khách hàng vay theo phương thức lưu vụ):
 - Tối đatháng (tương ứng với thời gian cho vay của 01 chu kỳ/vụ sản xuất) từ ngày....., OCB có quyền đơn phương đánh giá, xem xét, quyết định cho Bên vay được chuyển một phần hoặc toàn bộ số dư nợ gốc của chu kỳ/vụ trước sang chu kỳ/vụ tiếp theo với thời gian tối đa không vượt quá thời hạn vay được quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên vay được OCB đồng ý cho chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của chu kỳ/vụ trước sang chu kỳ/vụ tiếp theo thì các Bên xác nhận tại Giấy đề nghị cho vay lưu vụ mà không phải ký kết thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng này.
 - Trường hợp Bên vay không thỏa các điều kiện của OCB trong từng thời kỳ thì sẽ không được OCB chấp nhận chuyển toàn bộ dư nợ gốc của chu kỳ/vụ trước sang chu kỳ/vụ tiếp theo thì phải có trách nhiệm trả hết nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí có liên quan) cho OCB theo quy định tại Hợp đồng này ngay khi kết thúc thời gian của chu kỳ/vụ sản xuất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Hợp đồng này.
 - g) OCB có quyền xem xét quyết định chấp nhận hay không chấp nhận việc tổ chức, cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Bên vay trên cơ sở bảo đảm các điều kiện theo quy định của OCB trong từng thời kỳ.
 - a) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.
2. OCB có nghĩa vụ sau:
- a) Cấp tín dụng cho Bên vay khi Bên vay thực hiện đúng các điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Bên vay có các quyền sau:
- a) Được cấp tín dụng theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - c) Từ chối các yêu cầu của OCB, nếu các yêu cầu đó không đúng với thỏa thuận của các bên.
 - d) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.
2. Bên vay có các nghĩa vụ sau:
- a) Sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác đúng mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này; Báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB;
 - b) Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan) theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - c) Thực hiện trả nợ trước hạn đối với một phần hoặc toàn bộ dư nợ theo yêu cầu của OCB nếu phát sinh các trường hợp phải trả nợ trước hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và các thỏa thuận cụ thể khác giữa hai Bên;
 - d) Mua bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm, bảo hiểm khoản vay theo yêu cầu của OCB trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này và chuyển toàn bộ quyền thụ hưởng

bảo hiểm cho OCB; mua bảo hiểm tài sản khác của Bên vay theo yêu cầu của OCB. Trường hợp Bên vay không mua bảo hiểm theo yêu cầu của OCB thì OCB được quyền tự động trích tiền từ Tài khoản của Bên vay tại OCB để chi trả khoản phí, chi phí bảo hiểm tài sản, bảo hiểm khoản vay.

- e) Giao tài sản bảo đảm và phối hợp với OCB để xử lý tài sản bảo đảm hoặc thực hiện các biện pháp khác để thu hồi nợ đến hạn theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật;
- f) Chấp nhận toàn bộ các điều kiện về nghĩa vụ của Bên vay đối với người được OCB chuyển nhượng quyền thụ hưởng hợp đồng tín dụng (bán nợ);
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.

Điều 12. Thỏa thuận khác

1. Tất cả các văn bản, thông báo giao dịch của các bên trong quá trình thực hiện, giải quyết tranh chấp Hợp đồng này được gửi theo địa chỉ, thông tin liên hệ nêu trong Hợp đồng này (hoặc theo địa chỉ, thông tin liên hệ khác được thông báo bằng văn bản của các bên), Bên vay có trách nhiệm thông báo cho OCB địa chỉ mới nếu có phát sinh sự thay đổi.
2. Mọi thông báo, thông tin trao đổi liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Hợp đồng này, các Bên gửi đến cho nhau theo một trong các phương thức dưới đây:
 - a) Gửi trực tiếp và có ký nhận của bên nhận thông tin.
 - b) Gửi qua bưu điện hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ của mỗi bên.
 - c) Gửi qua email được cung cấp hoặc chỉ định của mỗi bên
 - d) OCB gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại của Bên vay.
 - e) Gửi qua fax, phương tiện điện tử theo thỏa thuận giữa các bên.

Mọi văn bản, tài liệu, thông báo được xem là đã nhận sau khi được gửi hoàn tất theo một trong các phương thức nêu tại khoản 2 Điều này trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Bên vay được xem là đã nhận được thông tin khi OCB gửi hoàn tất thông tin theo một trong các phương thức nêu tại khoản 2 Điều này hoặc được OCB thông báo trên website của OCB.
4. Không phụ thuộc vào kế hoạch rút vốn thỏa thuận tại Điều 1, nếu sau 03 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này mà Bên vay không sử dụng khoản tín dụng đã cấp thì Hợp đồng tín dụng này có thể bị chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện sẽ do OCB xem xét quyết định.
5. Các bên thống nhất, trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, một bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài thương mại giải quyết. Cơ quan nhận được đơn khởi kiện đầu tiên là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, Các bên thống nhất thỏa thuận lựa chọn Trung tâm trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC) làm cơ quan giải quyết tranh chấp, với thủ tục tố tụng trọng tài được thực hiện theo thủ tục rút gọn quy định trong Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này; Số lượng trọng tài viên là 01 (Một) do Chủ tịch Trung tâm chỉ định; Ngôn ngữ trọng tài là Tiếng Việt.

6. Trường hợp OCB khởi kiện Bên vay để giải quyết tranh chấp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên vay là địa chỉ nêu tại Hợp đồng này. Nếu Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho OCB bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và OCB có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.
7. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án, bao gồm các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, toàn bộ phí thi hành án. Bên thua kiện phải bồi thường thiệt hại cho Bên kia theo quy định pháp luật.
8. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

- a) Phạt trả nợ trước hạn: Trường hợp Bên được cấp tín dụng trả nợ trước hạn, sẽ phải chịu khoản phạt trả nợ trước hạn theo quy định của OCB. Mức phạt trả nợ trước hạn:
- Trong trường hợp Hợp đồng này, Khế ước nhận nợ/các thỏa thuận khác không quy định mức phạt cụ thể, thì mức phạt được xác định tối đa là 08% của số tiền trả nợ trước hạn hoặc mức khác thấp hơn theo quyết định của OCB tại thời điểm Bên được cấp tín dụng trả nợ trước hạn.
- b) Ngoài tiền phạt vi phạm theo điểm a khoản này, trường hợp Bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ, cam kết theo thỏa thuận tại Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm 08% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 1 và khoản 2 Điều 5 Hợp đồng này) và bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên được cấp tín dụng gây ra cho OCB theo quy định của pháp luật. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm phải thanh toán tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho OCB trong thời hạn 05 ngày kể từ khi OCB yêu cầu.
- c) Tổng tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo điểm a và điểm b khoản này (không bao gồm khoản phạt gốc, lãi chậm trả theo khoản 4 Điều 1 và khoản 2 Điều 5 Hợp đồng này và khoản bồi thường toàn bộ thiệt hại) trong mọi trường hợp không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
9. Hai Bên cam kết thực hiện đúng mọi điều khoản của Hợp đồng này. Các tài liệu liên quan đến Hợp đồng này như: Giấy đề nghị vay vốn; giấy cam kết sử dụng vốn vay, hợp đồng bảo đảm, khế ước nhận nợ, thông báo điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các tài liệu liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
10. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, các nghĩa vụ khác cho OCB theo quy định của hợp đồng này và các cam kết, thỏa thuận mà Bên vay đã ký với OCB.
11. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này, được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
12. Ngôn ngữ chính sử dụng tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản, thỏa thuận khác liên quan giữa Bên vay và OCB là tiếng Việt. Trường hợp hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp dụng.
13. Hợp đồng này được lập thành (0...) bản, Bên vay giữ(0...) bản, OCB giữ(.....) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN VAY

ĐẠI DIỆN OCB